

Số: 1156/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 93/TTr-SNN ngày 16/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ngành

Căn cứ chức năng quản lý nhà nước, ban hành hướng dẫn thực hiện và đánh giá nội dung các tiêu chí thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi, quản lý; đôn đốc các địa phương thực hiện nội dung các tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; trong quá trình thực hiện có vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- BCD các Chương trình MTQG TW;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{TTuần}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Văn

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI
TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 24 / 5 /2022 của UBND tỉnh)

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	YÊU CẦU
1	Quy hoạch	
1.1	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt
1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt
2	Giao thông	
2.1	Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
2.2	Tỷ lệ đường thôn, đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
2.3	Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
2.4	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	100%
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	
3.1	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥85%
3.2	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt
4	Điện	
4.1	Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt
4.2	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥99%
5	Trường học Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
6	Cơ sở vật chất văn hóa	
6.1	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Đạt
6.2	Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt
6.3	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	Theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông
8.1	Xã có điểm phục vụ bưu chính.	
8.2	Xã có dịch vụ viễn thông, internet.	
8.3	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	
8.4	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	
9	Nhà ở dân cư	
9.1	Nhà tạm, dột nát	Không
9.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	≥90%
10	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) Năm 2021	≥50

	Năm 2022	≥ 53
	Năm 2023	≥ 56
	Năm 2024	≥ 59
	Năm 2025	≥ 62
11	Nghèo đa chiều	Theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	
12	Lao động	
12.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 80\%$
12.2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 30\%$
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	
13.1	Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.	Đạt
13.2	Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt
13.3	Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt
13.4	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.	Đạt
13.5	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo	
14.1	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
14.2	Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).	$\geq 90\%$
15	Y tế	
15.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 90\%$
15.2	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt
15.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 16,5\%$
15.4	Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.	$\geq 70\%$
16	Văn hóa	
	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 85\%$
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	
17.1	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. (trong đó từ hệ thống cấp nước tập trung).	$\geq 95\%$ $\geq 55\%$
17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%
17.3	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.	Đạt
17.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.	$\geq 2m^2/\text{người}$
17.5	Mại táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt
17.6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	$\geq 90\%$

17.7	Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.	100%
17.8	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	$\geq 90\%$
17.9	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	$\geq 80\%$
17.10	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%
17.11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	$\geq 30\%$
17.12	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	$\geq 65\%$
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	
18.1	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt
18.2	Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt
18.3	Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	100%
18.4	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt
18.5	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.	Đạt
18.6	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	
19.1	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt
19.2	Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt